

Họ tên _____
Lớp _____

16.2.1

BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG

1. Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm gam, người ta còn dùng những đơn vị: **đề-ca-gam, héc-tô-gam.**

Đề-ca-gam viết tắt là dag.

Héc-tô-gam viết tắt là hg.

$$1 \text{ dag} = 10 \text{ g}$$

$$1 \text{ hg} = 10 \text{ dag}$$

$$1 \text{ hg} = 100 \text{ g}$$

2. Bảng đơn vị đo khối lượng

Lớn hơn ki-lô-gam			Ki-lô-gam	Nhỏ hơn ki-lô-gam		
.....						
1 tấn	1 tạ	1 yến	1 kg	1 hg	1 dag	1 g
= tạ	= yến	= kg	= hg	= dag	= g	
= kg	= kg		= dag	= g		

Nhận xét: Mỗi đơn vị đo khối lượng đều gấp 10 lần đơn vị bé hơn, liền nó.

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống.

a. $1 \text{ dag} = \dots\dots\dots \text{ g}$ $20 \text{ dag} = \dots\dots\dots \text{ g}$

$10 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ dag}$ $300 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ dag}$

b. $1 \text{ hg} = \dots\dots\dots \text{ dag}$ $10 \text{ hg} = \dots\dots\dots \text{ dag}$

$1 \text{ hg} = \dots\dots\dots \text{ g}$ $30 \text{ hg} = \dots\dots\dots \text{ g}$

$10 \text{ dag} = \dots\dots\dots \text{ hg}$ $400 \text{ dag} = \dots\dots\dots \text{ hg}$

$100 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ hg}$ $5000 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ hg}$

Bài 2. Tính.

a. $220 \text{ dag} + 180 \text{ dag} = \dots\dots\dots \text{dag}$

b. $420 \text{ hg} - 50 \text{ hg} = \dots\dots\dots \text{hg}$

c. $3 \text{ tấn} \times 4 = \dots\dots\dots \text{tấn}$

d. $288 \text{ tạ} : 12 = \dots\dots\dots \text{tạ}$

Bài 3. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ thích hợp vào chỗ trống.

a. $58 \text{ g} \dots\dots 5 \text{ dag}$

b. $60 \text{ hg} \dots\dots 601 \text{ dag}$

c. $4 \text{ tạ} \dots\dots 40 \text{ yến}$

d. $200 \text{ kg} \dots\dots 2 \text{ tấn}$

Bài 4. Ben có 6 gói bim bim, trong đó có 4 gói bim bim, mỗi gói nặng 150 g và 2 gói bim bim, mỗi gói nặng 200 g. Hỏi số bim bim đó nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

